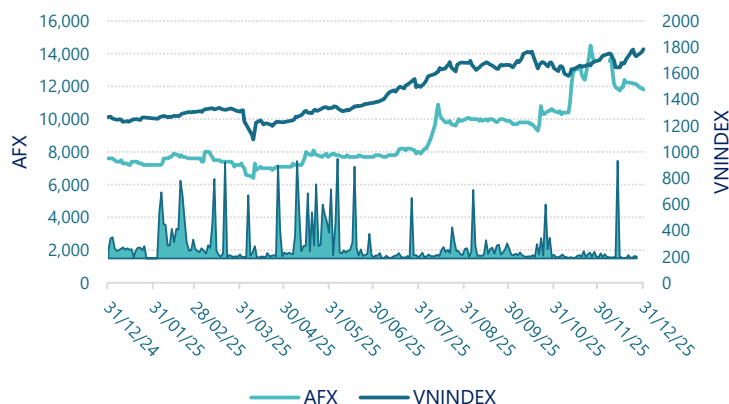


CTCP Xuất nhập khẩu Nông sản Thực phẩm An Giang (HSX: AFX)

Lịch sử giá



Thông tin giao dịch 31/12/2025

Giá hiện tại (VNĐ)	11,800
Cao nhất 52 tuần (VNĐ)	
Thấp nhất 52 tuần (VNĐ)	
SL cổ phiếu LH	35,000,000
KLGD BQ 20 phiên (CP)	153,270
% sở hữu nước ngoài	0.0%
Vốn điều lệ (tỷ VNĐ)	
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	413
P/E	8.7
EPS	1,352

DT thuần

Q4/25

1,057

tỷ VNĐ

QoQ: ▲ 322 | 43.8%

YoY: ▲ 365 | 52.8%

LN sau thuế

Q4/25

27.2

tỷ VNĐ

QoQ: ▲ 18.1 | 197%

YoY: ▲ 17.5 | 180%

Tỷ suất lãi EBIT

2025

3.7%

+/- YoY: ▲ 0.2%

DT thuần

2025

2,814

tỷ VNĐ

YoY: ▲ 757 | 36.8%

LN sau thuế

2025

47.3

tỷ VNĐ

YoY: ▲ 19.3 | 68.9%

ROE

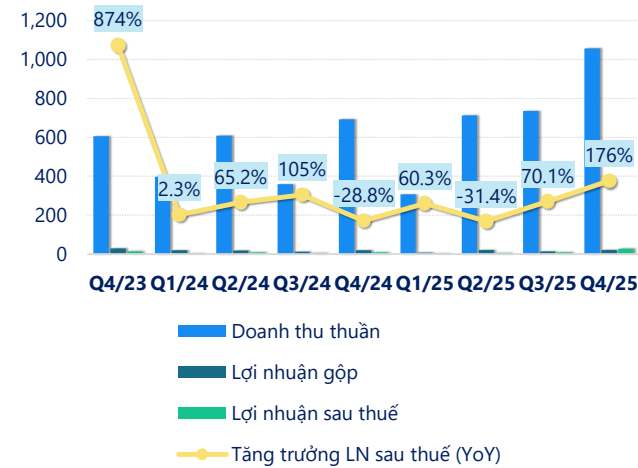
2025

9.5%

+/- YoY: ▲ 3.4%

tỷ VNĐ

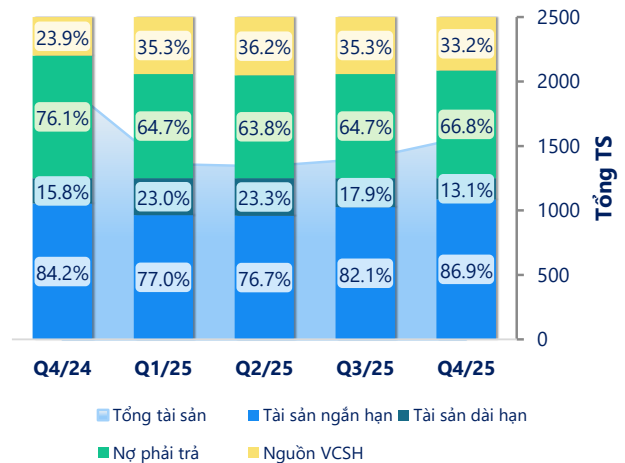
Kết quả kinh doanh



(Nguồn: fireant.vn)

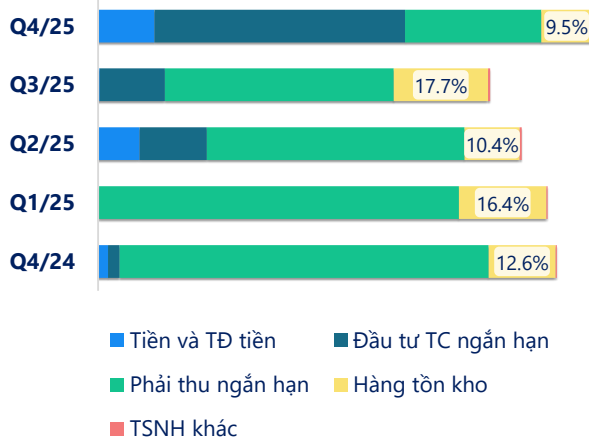
Cơ cấu Tổng tài sản

tỷ VNĐ



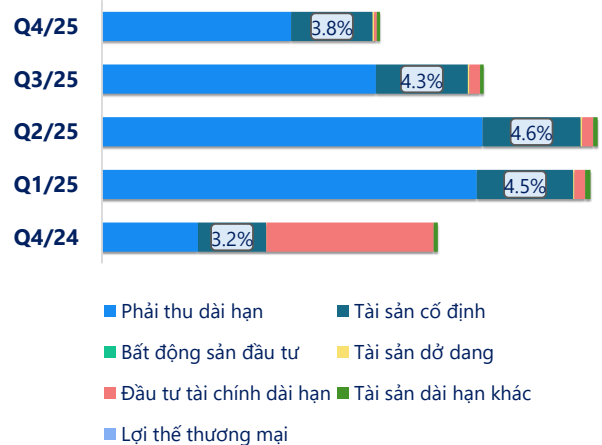
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tài sản ngắn hạn/Tổng TS



(Nguồn: fireant.vn)

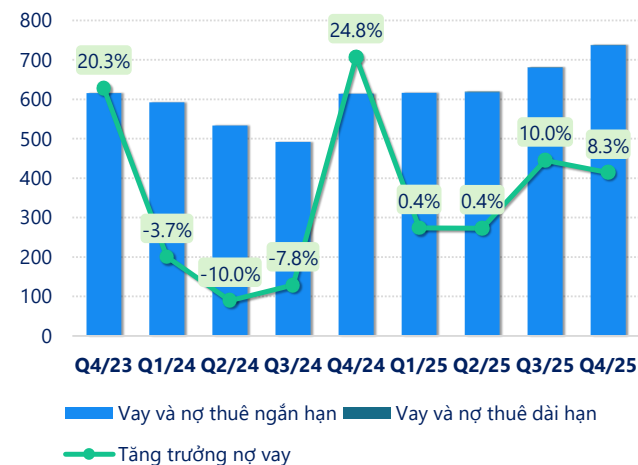
Cơ cấu Tài sản dài hạn/Tổng TS



(Nguồn: fireant.vn)

tỷ VNĐ

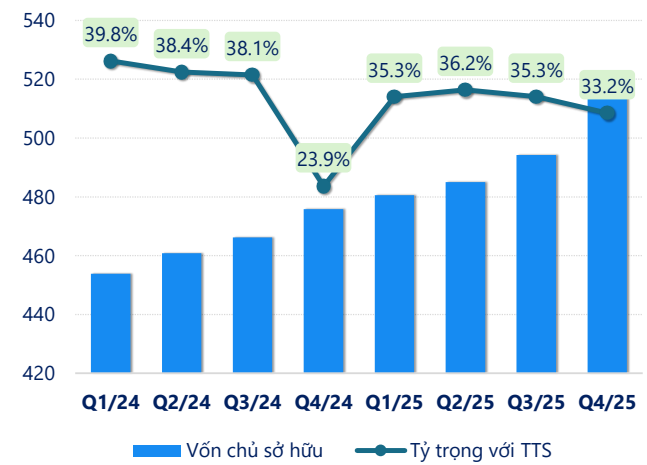
Nợ vay



(Nguồn: fireant.vn)

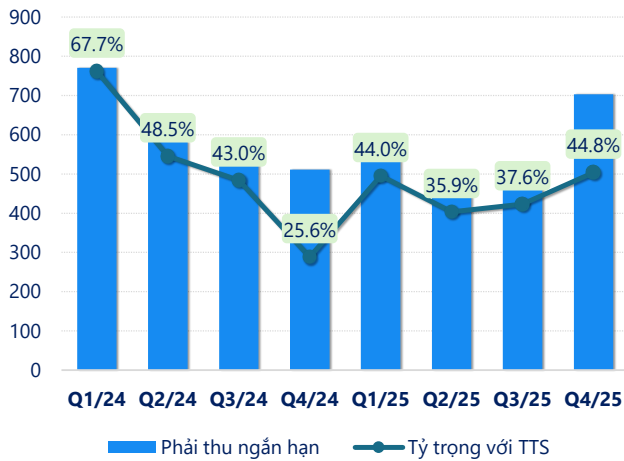
tỷ VNĐ

Vốn chủ sở hữu



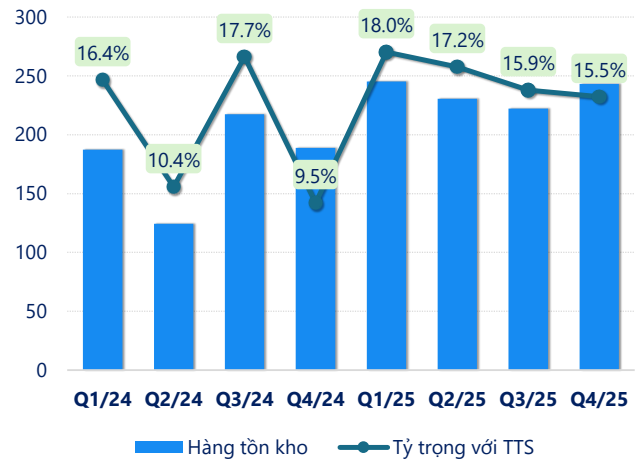
(Nguồn: fireant.vn)

tỷ VNĐ

Phải thu ngắn hạn


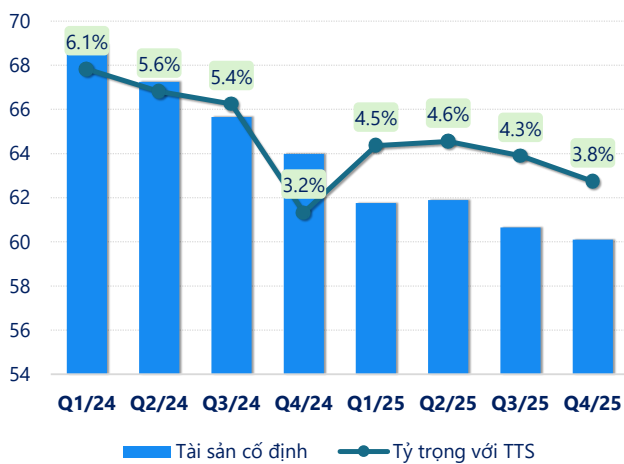
(Nguồn: fireant.vn)

tỷ VNĐ

Hàng tồn kho


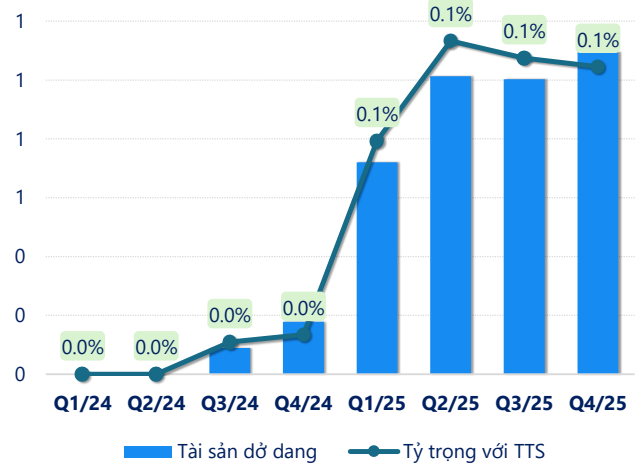
(Nguồn: fireant.vn)

tỷ VNĐ

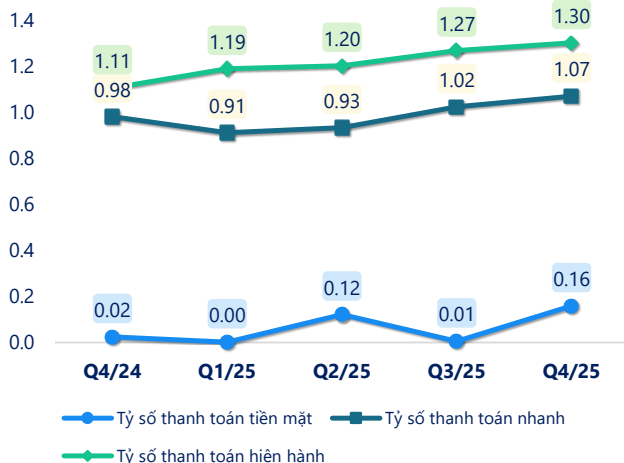
Tài sản cố định


(Nguồn: fireant.vn)

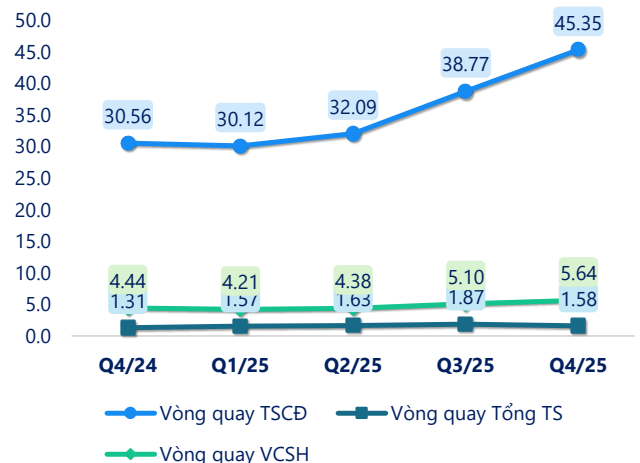
tỷ VNĐ

Tài sản dở dang


(Nguồn: fireant.vn)

Chỉ số thanh khoản


(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản


(Nguồn: fireant.vn)

CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tỷ VNĐ)	Q4/24	Q1/25	Q2/25	Q3/25	Q4/25
Tổng tài sản	1,994	1,362	1,341	1,400	1,571
Tài sản ngắn hạn	1,679	1,049	1,029	1,149	1,366
Tiền và tương đương tiền	37.1	1.28	104	4.63	167
Đầu tư tài chính ngắn hạn	940	200	210	390	240
Phải thu ngắn hạn	511	599	481	527	703
Hàng tồn kho	189	245	230	222	243
Tài sản ngắn hạn khác	1.94	3.06	2.81	5.42	11.8
Tài sản dài hạn	315	313	313	251	205
Phải thu dài hạn	90.0	240	240	180	140
Tài sản cố định	64.0	61.8	61.9	60.7	60.1
Bất động sản đầu tư	0	0	0	0	0
Tài sản dở dang	0.18	0.72	1.01	1.00	1.09
Đầu tư tài chính dài hạn	157	6.90	6.90	6.90	2.02
Tài sản dài hạn khác	3.98	3.42	2.75	2.42	2.41
Lợi thế thương mại	0	0	0	0	0
Nợ phải trả	1,518	881	856	906	1,050
Nợ ngắn hạn	1,518	881	855	905	1,048
Vay và nợ thuê ngắn hạn	614	617	618	680	737
Phải trả người bán ngắn hạn	148	250	211	180	266
Nợ dài hạn	0.39	0.01	1.19	1.07	1.52
Vay và nợ thuê dài hạn	0	0	1.18	1.06	0.93
Nguồn vốn chủ sở hữu	476	481	485	494	521
Vốn chủ sở hữu	476	481	485	494	521
Vốn điều lệ	350	350	350	350	350
Kinh phí và quỹ khác	0	0	0	0	0

(Nguồn: fireant.vn)